

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021
“V/v Ly hôn giữa anh Đ và chị
N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thiện Đ, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 222, ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thiện Đ trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2006 anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2006.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại L, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh và chị N đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có 02 con chung tên Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Nguyễn Phúc A, sinh ngày 21/5/2013, sau khi ly hôn anh đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi hai cháu A và V, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi hai cháu V và A đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Đ trình bày quá trình chung sống anh và chị N không có nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Trần Nguyễn Phương V và Trần Nguyễn Phúc A có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập nhiều lần để các đương sự hòa giải nhưng chị N đều vắng mặt, từ đó cho thấy chị N cũng không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Về con chung: Xét cần giao hai cháu Trần Nguyễn Phương V và Trần Nguyễn Phúc A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu V và An mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi hai cháu V và An đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thiện Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ xin ly hôn với chị N, thấy rằng: Anh Đ và chị N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2006 (Giấy đăng ký số 23/2006, quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hợp pháp. Theo anh Đ, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh Đ và chị N đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho chị N các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, chị N đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Từ đó, cho thấy chị N cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của anh Đ và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[5] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của anh Đ cùng các chứng cứ do anh Đ cung cấp thì anh Đ và chị N có 02 (hai) con chung tên Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Nguyễn Phúc A, sinh ngày 21/5/2013. Sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi hai cháu V và An. Xét thấy, hiện hai cháu V và An đang sống với chị N, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị N có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa, hai cháu Trần Nguyễn Phương V và Trần Nguyễn Phúc A có nguyện vọng là muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai cháu nên giao hai cháu Trần Nguyễn Phương V và Trần Nguyễn Phúc A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về phân cấp dưỡng nuôi con: Chị N vắng mặt không có yêu kiến, yêu cầu về phân cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu V và An mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi anh Đ, chị N ly hôn không chỉ là nghĩa vụ của cá nhân chị N mà còn là nghĩa vụ của anh Đ. Chị N là người trực tiếp nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đ. Như vậy, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu V và A mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi hai cháu V và A đủ 18 tuổi.

[7] Về chia tài sản, nợ chung: Anh Đ trình bày không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung. Chị N vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8] Về án phí: Anh Trần Thiện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thiện Đ về việc “Ly hôn” với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thiện Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm N.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) cháu Trần Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Nguyễn Phúc A, sinh ngày 21/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thiện Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi hai cháu V và A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Trần Thiện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002527 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Anh Trần Thiện Đ còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, anh Trần Thiện Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Cẩm N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã L;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy